

Số: 275/2026/QĐST-HNGĐ

Ninh Bình, ngày 28 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 225/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Xuân S, sinh ngày: 30/01/1968; Căn cước công dân số 001068027536 cấp ngày 24/7/2023; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã Viên Nội, huyện U, TP . (nay là thôn T, xã U, thành phố Hà Nội); Nơi ở hiện tại: T, 47137 D, Đ.

- *Bị đơn*: Chị Trần Thị Thu T, sinh ngày: 16/7/1992; Căn cước công dân số 036192021591 cấp ngày 04/7/2024; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tập thể Nông nghiệp - Đ, xã N, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là tổ dân phố N, phường V, tỉnh Ninh Bình); Nơi ở hiện tại: T, 47137 D, Đ.

Căn cứ Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Xuân S và chị Trần Thị Thu T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân S và chị Trần Thị Thu T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Jenifer Việt T1, sinh ngày 11/11/2013 và Nguyễn Micheal Việt A, sinh ngày 01/11/2015 cho anh Nguyễn Xuân S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung thành niên. Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh S.

2.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh S và chị T thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Xuân S nhận nộp 150.000đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ vào khoản tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) anh S đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000810 ngày 13 tháng 8 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. H lại cho anh S 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) từ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 9 - Ninh Bình;
- THA dân sự tỉnh Ninh Bình;
- Đương sự;
- Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Cộng hoà liên bang Đức;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Phạm Thúy Nga

